TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2023/DS-ST
Ngày 06-6-2023
V/v "tranh chấp hợp đồng góp hụi và thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Trung.

2. Ông Nguyễn Văn Chậm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung hiếu – Kiểm sát viên.

Vào ngày 06 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 199/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "hợp đồng vay tài sản, góp hụi và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thảo N, s**inh năm 1991

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn H,** sinh năm 1970;

Anh **Trần Trọng N1,** sinh năm 1992;

Chị **Trần Thanh T,** sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N, ông H và anh N1 có mặt tại phiên tòa; chị T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thảo N trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Thu T1 (tên thường gọi Đ) là vợ của ông Trần Văn H và là mẹ của anh Trần Trọng N2 và chị Trần Thanh T, bà T1 chết ngày 16/01/2022.

Vào năm 2019, chị N có tham gia một dây hụi do bà T1 làm chủ, cụ thể như sau: Hụi 5.000.000đồng/phần, hụi khui lần đầu vào ngày 12/02/2019, hụi một tháng khui một lần, có 12 phần, chị N tham gia 01 phần. Quá trình tham gia hụi, chị N đóng hụi sống cho bà T1 được 08 lần, đến lần khui hụi thứ 09 thì bà T1 ngưng hụi. Tổng số tiền vốn chị đã đóng cho bà T1 là 5.000.000 đồng x 8 lần = 40.000.000 đồng.

Sau khi bà T1 chết, chị đã nhiều lần nhắc nhở yêu cầu ông H, anh N1 và chị T thanh toán số tiền nợ hụi cho bà nhưng ông H, anh N1 và chị T không thực hiện.

Nay chị Nguyễn Thị Thảo N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N1 và chị Trần Thanh T phải liên đới trả lại cho bà số tiền là 40.000.000 đồng.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2023 bị đơn ông Trần Văn H trình bày:**

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc tham gia hụi và nợ như trên. Nay đồng ý liên đới trả cho chị N số tiền là 40.000.000 đồng.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2023 bị đơn anh Trần Trọng N1 trình bày:**

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc tham gia hụi và nợ như trên. Nay đồng ý liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thảo N số tiền là 40.000.000 đồng trong phạm vi tài sản do bà T1 để lại.

*** Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/6/2023 bị đơn chị Trần Thanh T có ý kiến:**

Thống nhất và đồng ý theo ý kiến của ông Trần Văn H.

*** Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thảo N yêu cầu ông Trần Văn H và anh Trần Trọng N1, chị Trần Thanh T là những người thừa kế của bà Nguyễn Thị Thu T1 phải liên đới trả cho cho chị số tiền hụi với số tiền vốn gốc là là 3.800.000 đồng x 8 lần = 30.400.000 đồng. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn ông Trần Văn H đồng ý cùng liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Thảo N số tiền nợ hụi là 30.400.000 đồng. Thực hiện việc trả nợ sau khi phân chia quyền sử dụng đất xong.

- Bị đơn anh Trần Trọng N1 đồng ý cùng liên đới trả cho chị N số tiền nợ hụi là 30.400.000 đồng trong phạm vi tài sản của bà T1 chết để lại. Thực hiện việc trả nợ sau khi phân chia quyền sử dụng đất xong.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên

tòa sơ thẩm. Các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thảo N, buộc ông Trần Văn H phải liên đới cùng những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T1 là anh Trần Trọng N1 và chị Trần Thanh T phải trả số tiền nợ hụi là 30.400.000 đồng. anh Trần Trọng N1 và chị Trần Thanh T chỉ phải chịu trách nhiệm trả số tiền 30.400.000 đồng cho chịn Nguyễn Thị Thảo N trong phạm vi tài sản của bà Nguyễn Thị Thu T1 để lại, thực hiện trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, về án phí đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thảo N yêu cầu ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N1 và chị Trần Thanh T phải liên đới trả nợ hụi là 40.000.000 đồng; ông H, anh N1 và chị T có nơi cư trú tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là *"tranh chấp về hợp đồng góp hụi và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 463, 471, 615 của Bộ luật Dân sự*"*.

[2]. *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Tại phiên toà hôm nay, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[3]. *Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện:* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị N yêu cầu Tòa án buộc Trần Văn H, anh Trần Trọng N1 và chị Trần Thanh T phải liên đới trả lại cho chị số tiền là 40.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, chị N có thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông H, anh N1 và chị T liên đới trả lại số tiền nợ hụi với số tiền vốn là 30.400.000 đồng, tức là đã trừ đi 1.200.000 đồng là giá thăm tối thiểu khi khui hụi, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả ngay một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về nội dung:* Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Thảo N yêu cầu ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N1 và chị Trần Thanh T liên đới trả số tiền nợ hụi là 30.400.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để được chấp nhận, bởi lẽ:

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp kèm theo một giấy hụi do bà T1 làm chủ hụi. Quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn là ông H, anh N1 và chị T cũng thừa nhận giấy hụi và nợ hụi như nguyên đơn yêu cầu. Do đó có cơ sở xác định hợp đồng góp hụi giữa chị N và bà T1 đã được xác lập hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia kể từ khi xác lập. Khi tham gia hụi,

các bên có thỏa thuận về giá thấp nhất khi kêu hụi là 1.200.000 đồng, hụi viên hốt hụi, chủ hụi phải có nghĩa vụ gom hụi và giao hụi, đồng thời được hưởng tiền huê hồng. Như vậy, tổng số tiền hụi chị N đã đóng hụi cho bà T1 là 08 lần x (5.000.000 đồng – 1.200.000 đồng là giá thấp nhất khi kêu hụi) = 30.400.000 đồng. Dây hụi chưa kết thúc, bà T1 tuyên bố bể hụi và ngưng không khui hụi nữa nên bà T1 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền vốn mà chị N đã đóng mà không được hưởng huê hồng như đã thỏa thuận hụi.

[4]. *Về nghĩa vụ trả nợ:* Xét thấy, tại thời điểm diễn ra giao dịch góp hụi thì bà T1 và ông H vẫn là vợ chồng hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử xác định nghĩa vụ góp hụi, giao hụi và trả tiền của bà T1, ông H phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T1 và ông H, đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nhưng khi tuyên bố ngừng hụi, bà T1 và ông H không thực hiện nghĩa vụ giao hụi lại cho hụi viên là vi phạm hợp đồng góp hụi và nghĩa vụ của chủ hụi. Căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ, chồng phải có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Việc bà T1 làm chủ hụi có hưởng huê hồng là nhằm giải quyết cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình.

Ngày 13/01/2022, bà T1 và ông H ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 09/2022/QĐST-HNGĐ và Thông báo sửa chữa, bổ sung số 04/2022/TB-TA ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước. Theo quyết định thuận tình ly hôn nêu trên thì tài sản chung của bà T1 và ông H chưa được phân chia mà do hai bên tự thỏa thuận. Tuy nhiên bà T1 và ông H chưa có phân chia tài sản chung.

Theo giấy chứng tử số 43 ngày 22/4/2022 của Ủy ban nhân dân xã P thì bà Nguyễn Thị Thu T1 chết ngày 16/01/2022. Xét thấy ngày 13/01/2022, bà T1 và ông H đã ly hôn, căn cứ vào các Điều 613, 615 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự xác định được anh Trần Trọng N1 và chị Trần Thanh T là người thừa kế của bà T1 ở hàng thừa kế thứ nhất và cũng là người thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà T1 chết để lại nên phải có nghĩa vụ hoàn trả nợ hụi cho nguyên đơn chị N trong phạm vi tài sản bà T1 để lại mà anh N1 và chị T được hưởng theo quy định của pháp luật thừa kế.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông H cũng đồng ý liên đới trả nợ theo yêu cầu của chị N. Do đó yêu cầu của chị N về việc buộc ông H, anh N1 và chị T có trách nhiệm liên đới trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 471 và Điều 615 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. *Về phương thức trả nợ:* Tại phiên tòa hôm nay, chị N yêu cầu ông H, anh N1 và chị T phải trả nợ một lần, ngay khi án có hiệu lực pháp luật; Ông H, anh N1 đồng ý trả tiền nhưng xin trả sau khi giải quyết xong vụ kiện chia tài sản là quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử xét thấy bà T1, ông H đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi quy định tại Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường. Chị N đã yêu cầu ông H, anh N1 và chị T trả tiền nhiều lần nhưng các bị đơn vẫn không trả mà kéo dài thời gian trả nợ đã gây nhiều thiệt thòi về quyền lợi cho chị N. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết buộc ông H, anh N1 và chị T phải có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền nợ hụi là 30.400.000 đồng theo thời gian yêu cầu của chị N là phù hợp.

[6]. *Về án phí:* Bị đơn ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N và chị Trần Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xét thấy, ông H, anh N1 và chị T có đơn xin xem xét giảm án phí có xác nhận của chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, ngoài ra số nợ này do bà T1 chết để lại nên Hội đồng xét xử nhận thấy đơn xin giảm án phí của các bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, cần thiết giảm 50% án phí cho ông H, anh N1 và chị T là phù hợp.

Hoàn lại số cho chị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7]. *Về quyền kháng cáo:* Chị N, ông H, anh N1 và chị T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8]. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 471, 612, 613, 615, 651 và Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thảo N.

- Buộc ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N1 và chị Trần Thanh T phải liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Thảo N số tiền nợ hụi là 30.400.000 đồng *(Ba mươi triệu bốn trăm nghìn đồng)*. Thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với anh Trần Trọng N1 và chị Trần Thanh T chỉ thực hiện nghĩa vụ liên đới trả số tiền 30.400.000 đồng *(Ba mươi triệu bốn trăm nghìn đồng)* cho chị Nguyễn Thị Thảo N trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị Thu T1 chết để lại mà anh Trần Trọng N1 và chị Trần Thanh T được hưởng theo pháp luật về thừa kế.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Thảo N có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N1 và chị Trần Thanh T chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

- Ông Trần Văn H, anh Trần Trọng N1 và chị Trần Thanh T phải liên đới chịu 760.000 đồng *(Bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Thảo N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)* theo biên lai thu số 0003350 ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Thảo N, ông Trần Văn H và anh Trần Trọng N1 được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Chị Trần Thanh T được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự:
  + NĐ: Chị N;
  + BĐ: Ông H, anh N1, chị T.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Thạch Hải Âu